

CÁ NHÂN VÀ VẤN ĐỀ BỒN PHẬN TRONG SÁNG TÁC CỦA NAM CAO TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG 8 – 1945

Nguyễn Thị Khánh Ly

Vụ Các trường Chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Tóm tắt. Cá nhân và vấn đề bồn phận là vấn đề nổi bật trong sáng tác của Nam Cao nói riêng cũng như văn học Việt Nam hiện đại nói chung. Con người cá nhân trong sáng tác văn học được biểu hiện ở nhiều phương diện khác nhau. Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi tập trung vào vấn đề nhìn nhận bi kịch tinh thần của con người cá nhân trong sáng tác của Nam Cao trước cách mạng tháng Tám - 1945 từ góc độ ý thức cá nhân và ý thức bồn phận với cội nguồn của nó chính là sự thức tỉnh ý thức cá nhân.

Từ khóa: Nam Cao, con người cá nhân, bồn phận.

1. Mở đầu

Ý thức cá nhân và bồn phận là vấn đề nổi bật trong văn học Việt Nam đầu thế kỉ XX được rất nhiều người quan tâm khi bàn về văn xuôi Tự lực văn đoàn. Tuy nhiên, vấn đề này cũng xuất hiện trong văn học hiện thực phê phán, mà điển hình là trong sáng tác của Nam Cao, chính điều này đã tạo nên bi kịch tinh thần của nhân vật trong sáng tác của ông. Nghiên cứu về con người trong truyện ngắn Nam Cao, Văn Thị Phương Trang đã có những khám phá nhân vật từ chiều sâu tâm thức với “Những con người khốn khổ bị tước đoạt, bào mòn cả quyền được sống được yêu, được thỏa mãn dục tính theo cái cách đầy bản năng của họ” [1]. Thành Đức Bảo Thắng khẳng định: “Luôn ý thức về giá trị nghề nghiệp (nghề văn), về mục đích cầm bút, luôn suy tư, dằn vặt về ý nghĩa cao cả hay thấp hèn của cuộc sống, suy cho cùng đó là những biểu hiện sâu sắc của quan niệm nghệ thuật về con người cá nhân” [2]. Trên hết, thông qua sự thức tỉnh ý thức cá nhân của con người, tác phẩm của Nam Cao còn “đòi hỏi để cho mỗi cá nhân được phát triển đến tận độ với một ý thức đầy trách nhiệm và trong mối quan hệ mật thiết với sự phát triển chung của cả xã hội và loài người” [3]. Vấn đề ý thức cá nhân và bồn phận trong sáng tác Nam Cao đã được một số nhà nghiên cứu nhắc đến nhưng vẫn còn những khoảng trống. Để giải quyết vấn đề đặt ra trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu nhân vật văn học, phương pháp lịch sử, phương pháp hệ thống, đặt vấn đề vào trong bối cảnh lịch sử, văn hóa xã hội, hệ thống vấn đề, phân tích lí giải nguyên nhân... Trong

Ngày nhận bài: 19/6/2019. Ngày sửa bài: 29/7/2019. Ngày nhận đăng: 1/8/2019.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Khánh Ly. Địa chỉ e-mail: nguyenkhanhly83@gmail.com

khuôn khổ của bài viết này, chúng tôi tập trung bàn về vấn đề cá nhân trong văn học hiện thực phê phán, nhìn nhận bi kịch tinh thần của con người cá nhân từ góc độ ý thức cá nhân và ý thức bốn phận với cội nguồn của nó chính là sự thức tỉnh ý thức cá nhân thông qua một hiện tượng văn học cụ thể là các nhân vật trong sáng tác của Nam Cao trước cách mạng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thuật ngữ “Cá nhân” và “bốn phận”

Các tác giả của *Từ điển bách khoa Việt Nam* định nghĩa **Cá nhân** là: “một con người với tư cách là một cá thể trong xã hội. Cá nhân liên hệ với xã hội, trước hết lấy tập thể làm ban đầu (gia đình, tập thể bạn bè, tập thể lao động) làm trung gian. Trong tập thể, cá nhân được hình thành về mặt tinh thần, tâm lý, thể xác và các mặt khác. Cá nhân có vai trò chủ động, quan trọng trong xã hội. Xã hội vừa là tổng thể những điều kiện phát triển tổng hòa của tất cả các cá nhân và các tập thể. Do đó, mỗi cá nhân đóng góp phần của mình vào đời sống của toàn xã hội, đồng thời xã hội cũng con trọng và phát huy tác dụng vai trò của cá nhân” [4].

Dưới lăng kính triết học, trong *Từ điển triết học* (*A dictionary of philosophy*), **Cá nhân** (Individuals) có bốn nghĩa cơ bản như sau [5]: (i) tất cả những gì có thể đếm được, từng cái một (‘định rõ’); (ii) các cá nhân tương phản nhau về các thuộc tính hay các chức năng, là những ‘biến số cá nhân’; (iii) giống với ‘cái riêng biệt’ (particular); (iv) Cái không thể chia ra được nữa, và tính chất đặc trưng tuyệt đối sẽ là các cá nhân.

Như vậy, chúng ta có thể hiểu: con người cá nhân là những cá thể người tách mình ra khỏi cộng đồng, “đôi lập với tự nhiên và xã hội” để có thể tự nhìn ngắm và quan sát chính bản thân mình cũng như toàn thể xã hội. Đồng thời họ là những con người luôn ý thức về bản thân, “đắm sâu vào bản thân” và “chủ yếu sống bằng cảm xúc của mình”. Con người cá nhân gắn liền với trạng thái suy tư, tự ý thức, luôn trăn trở và “có bộ máy cực kỳ phức tạp của đời sống độc lập bên trong”.

Con người cá nhân không chỉ luôn đòi hỏi các quyền lợi được thực thi cho mình, mà thực hiện bốn phận cũng là một trong những phương diện làm nên phẩm chất/ thuộc tính của con người cá nhân. Tiếng Anh có các từ mang ý nghĩa chỉ **bốn phận** như: *ought*, *obligation* (bốn phận/ nghĩa vụ), *duty* (bốn phận). Các tác giả của *Từ điển triết học* (*A Dition of Philosophy*) đã phân biệt ý nghĩa của các từ đó như sau: **Ought** “diễn tả những điều ta buộc phải thực hiện hoặc được yêu cầu” ngay cả khi ta muốn hay không. Trong đó **obligation** chủ yếu mang tính đạo đức và pháp luật, nó “dựa trên cơ sở của một sự thỏa thuận ngầm”: “Có thể có nhiều lí do vì sao tôi phải tuân theo pháp luật, nhưng tôi chỉ có một nghĩa vụ, bốn phận tuân theo nó nếu tôi mang/ gánh bốn phận, trách nhiệm đó. Còn **duty** “về cơ bản gắn liền với vai [trò] (role) cho dù chúng có được cam kết một cách tự nguyện hay không. Con người có các bốn phận như thư ký, cha, người con trai, vv.”. Nhìn chung, bốn phận và trách nhiệm là “những dạng đặc biệt của những điều mang tính đạo đức và pháp luật mà ta buộc phải làm, cho dù nó không thúc ép thì chúng ta luôn luôn phải thực hiện” [5], trong đó bốn phận (duty) thiên về luân lý hơn là pháp luật. Bốn phận và quyền lợi là những mặt song hành nhau trong con người cá nhân tưởng như đối lập nhưng không phủ định nhau mà có ý nghĩa bổ sung để hoàn thiện hơn những phẩm tính cá nhân.

2.2. Con người ý thức về bổn phận

Khác với các nhân vật trong sáng tác của các nhà văn Tự lực văn đoàn luôn rũ bỏ hết những bổn phận của cá nhân đối với gia đình để sống cuộc đời tự do, không ràng buộc, họ như những con người nổi loạn để lật nhào toàn bộ những kìm kẹp của gia đình gia trưởng lên đời sống cá nhân, nhân vật của Nam Cao luôn là những người day dứt, trăn trở bởi lẽ chưa làm tròn bổn phận của một người con, người chồng, người cha... trong gia đình.

Với Nam Cao, ông chế giễu những nhân vật chạy theo đời sống hưởng lạc, theo những toan tính và dục vọng cá nhân mà **rũ bỏ bổn phận gia đình** như người cha trong *Trẻ con không được ăn thịt chó*, Lưu trong *Truyện tình*,... Là truyện ngắn mang đậm tính hài hước đen, *Trẻ con không được ăn thịt chó* là tiếng cười cay đắng, cười ra nước mắt. Đối lập với niềm vui và tiếng cười của các “quan viên”, dưới bếp, những con người đói khổ nheo nhóc kia đã chờ đợi đắng dặc trong mòn mỏi nhưng cuối cùng mọi hi vọng của họ đã vỡ ra thành những giọt nước mắt nghẹn lòng khi trên mâm không còn gì cả. Có thể thấy, Nam Cao đã miêu tả nhân vật người chồng và đám “quan viên” bằng ngòi bút hí họa, châm biếm, mỉa mai sâu cay, những kẻ bị miếng ăn làm cho tầm thường, nhỏ nhen, vô trách nhiệm và ích kỉ. Thái độ phê phán ấy có thể xem như được gói gọn trong một câu văn miêu tả cảnh ăn uống của những kẻ thô tục: “Chúng bắt đầu ăn, uống, tranh nhau nói và cười rung cả mái nhà” [6]. Nếu người cha trong *Trẻ con không được ăn thịt chó* khước từ bổn phận làm chồng, làm cha mà bị cuốn vào thói dung tục ăn uống rất tầm thường thì Lưu trong *Truyện tình*, một chàng thanh niên mê mải với những trang tình ái do mình mơ tưởng mà khước từ bổn phận làm con, làm anh trong gia đình. Sự khước từ thể hiện rất rõ qua thái độ trốn tránh không muốn trở về nhà thăm gia đình. Mẹ anh xuất hiện ở nơi mà Lưu đã muốn quên đi vai trò và bổn phận của mình nên đã “giật mình” tỉnh giấc ngủ và cũng chính là tỉnh giấc mộng ái tình, giấc mộng sống một cuộc đời tự do mà không bị ràng buộc hay phải có trách nhiệm với người thân. Nam Cao đã để nhân vật của mình “vỡ mộng” và “tỉnh mộng” trong hàng nước mắt, trong nỗi ân hận muộn màng vì đã bỏ rơi đứa em gái đang hấp hối, đã trốn tránh bổn phận đối với gia đình.

Có thể nhận thấy, trong thế giới nhân vật Nam Cao, những nhân vật – những cá nhân rũ bỏ, đoạn tuyệt bổn phận gia đình chỉ chiếm một số lượng rất nhỏ. Con người trong sáng tác của nhà văn hiện thực ấy không trốn tránh cuộc đời, không thoát ly để tìm một cuộc sống tốt đẹp mang tính ảo tưởng như các nhân vật trong văn học lãng mạn, họ luôn được định vị trong cuộc đời thực đầy biến động, nặng nề và ngột ngạt cho dù họ chỉ là những phận người bé mọn, những **nạn nhân của bổn phận**. Bổn phận gia đình, trong con mắt của Nam Cao, làm cho nhân vật sống một đời sống với ý thức cá nhân trọn vẹn, ý thức về bản thân một cách sâu sắc. **Hi sinh bản thân vì bổn phận gia đình** là cách hành xử, lựa chọn khá phổ biến của con người cá nhân trong sáng tác của Nam Cao. Ở đó, ta bắt gặp những người cha, người mẹ, người anh, người chị, người con trong gia đình cố gắng bằng mọi giá với mong muốn đem lại niềm vui bé nhỏ cho người thân. Đó là cái Dân trong *Một đám cưới*, Hải trong *Quên điếu độ*, Hộ trong *Đời thừa*, Thứ trong *Sống mòn*, người bà trong *Nửa đêm*, Thị Nở trong *Chí Phèo*, Ninh trong *Từ ngày mẹ chết*, và di Hảo hay lão Hạc trong những truyện ngắn cùng tên,...

Cuộc đời của Dần (*Một đám cưới*) là chuỗi dài những hi sinh bản thân vì gia đình. Với vai trò người chị cả, Dần luôn cố gắng làm tốt mọi việc, thậm chí là chịu đựng những đắng cay, khổ cực của kiếp sống ở đợ nhà chánh Liễu cốt sao đỡ một miếng ăn cho gia đình để cha mẹ bớt khổ, để các em được no bụng hơn. Dần ý thức rất rõ về sự hi sinh của mình: “Dần không muốn làm khổ cha mẹ nữa, nên khổ đến chết cũng đành cắn răng mà chịu, không dám khóc đòi về” [6]. Không chỉ hi sinh tuổi thơ, khi mẹ mất, gánh nặng bốn phận càng đè nặng lên đôi vai nhỏ bé của một cô gái mới lớn, Dần tiếp tục hi sinh quãng đời con gái, chấp nhận lấy chồng để trả món nợ mà bố đã vay để làm ma cho mẹ. Một đám cưới nghèo làm lủi trong đêm tối với những con người “lủi thủi trong sương lạnh và bóng tối”, thay vì tiếng cười nói vui vẻ hay khúc nhạc hạnh phúc là một bầu không khí ngột ngạt, ảm đạm, u tối, những tiếng khóc nghẹn ngào, xót thương và hờn tủi. Một đám cưới nào nuốt như tiếng thở dài cho kiếp người nghèo khó, lận đận. Trong hoàn cảnh đau khổ nhất, Dần vẫn nén nỗi đau để nghĩ đến cha và các em bởi lẽ giờ đây người con gái ấy còn gánh vác luôn cả bốn phận mà mẹ để lại.

Với lão Hạc (*Lão Hạc*), việc đưa con phần chí bỏ đi đồn điền cao su mãi là nỗi day dứt trong phần đời còn lại của nhân vật. Đó là nỗi khổ đau của một con người chưa làm tròn bốn phận làm cha khi không thể dựng vợ gả chồng lúc con cái trưởng thành. Ý thức bốn phận len lỏi trong từng ý nghĩ, hành động của lão Hạc. Hành động của lão Hạc, với mọi người, kì cục đến khó hiểu nên đã có lúc người ta đã hiểu sai về lão, hoặc không thể hiểu nổi con người lão. Những hành động mâu thuẫn ấy lại nhất quán ở mục đích: để con bớt khổ hơn, để con được hạnh phúc, để con được sống. Lão Hạc đã được đặt “trước những lựa chọn không thể khác” và lựa chọn sau cùng của lão bao giờ cũng gắn liền với ý thức bốn phận của người cha. Người cha hi sinh cuộc đời mình, hi sinh danh dự (nhưng không đánh mất nhân phẩm), hi sinh sự sống, người cha ấy đã làm tất cả với tấm lòng, với bốn phần, với tình yêu thương. Dường như hi sinh đã trở thành một thứ bản năng thường trực ở những đáng sinh thành (*Nghèo, Nửa đêm, Đời thừa*).

2.3. Bi kịch của sự tự ý thức về xung đột cá nhân và bốn phận

Con người cá nhân luôn day dứt, dằn vặt và tự trách móc vì chưa làm tròn bốn phận là chủ âm trong chuỗi âm đời nặng nề, u ám mang tên **cá nhân và gánh nặng cuộc sống** vọng lên trong nhiều sáng tác của Nam Cao, như: *Đời thừa*, *Bài học quét nhà*, *Giăng sáng*, *Trẻ con không được ăn thịt chó*, *Lão Hạc*, *Từ ngày mẹ chết*, *Điều vãn*, *Cười*, *Nước mắt*, *Nghèo*,... Trái ngược với người cha (*Trẻ con không được ăn thịt chó*) chỉ thỏa mãn nhu cầu cá nhân mà quên đi đàn con đói khát, thì người mẹ lại luôn quan tâm, yêu thương, săn sóc. Tình yêu thương ấy được thể hiện trong từng việc làm: “mỉm cười” nghĩ đến lúc con được ăn, hay hốt hoảng khi không thấy con đâu. Tình thương yêu của người mẹ ấy dành cho các con dầu dặt dào song có phần bất lực trước thực tế đời sống, thương con mà không thể làm gì được và chỉ biết khóc: “Người đàn bà, nghĩ đến cái bộ mặt tiu nghỉu của con lúc nào, rỏ nước mắt ra lúc ấy. Trông thương đứt ruột. Nhưng biết làm sao được?” [6]. Còn *Bài học quét nhà* lại là tấm lòng “đau quặn quặn” của người cha, là niềm ân hận, xót xa của người mẹ trước một tuổi thơ bị đánh cắp của đứa con gái chưa tròn năm tuổi mà chính họ là thủ phạm. Nhưng suy cho cùng, họ cũng chỉ là nạn nhân của hoàn cảnh, nạn nhân của cái đói và nỗi lo cơm áo. Bốn phận, đôi khi, khiến cuộc sống của cá nhân trở nên lặng câm như những chiếc bóng, sống để

phụng sự gia đình, để chịu đựng tất cả mọi đắng cay (bà quản Thích trong *Nửa đêm*, Từ trong *Đời thừa*, Liên trong *Sống mòn*), kể cả những bất công đến phi lí (dì Hảo).

Nhân vật trong sáng tác Nam Cao là con người bị kịch, con người được đặt trước những lựa chọn không thể nào dễ dàng quyết định lựa chọn hay thoái thác. Đa phần họ là những nhân vật thuộc tầng lớp trí thức tiểu tư sản được tiếp cận với những tư tưởng phương Tây nhưng đồng thời vẫn mang trong mình một “người nhà quê” không dễ phai mờ. Đây chính là điểm khác biệt của kiểu nhân vật trí thức tiểu tư sản trong sáng tác Nam Cao so với kiểu nhân vật cùng loại ở các nhà văn lãng mạn khác đã đoạn tuyệt hoàn toàn với truyền thống để trở thành những “tân nhân vật”, những “gái mới”, những người Âu hóa. Đồng thời, khác với nhân vật nông dân trong sáng tác của mình, nhân vật trí thức tiểu tư sản của Nam Cao không chỉ rơi vào bi kịch cơm áo mà còn được tập trung khắc qua tấn bi kịch tinh thần với “những quẩn quại trong nội tâm, tư tưởng” [7]. Những nhân vật trí thức tiểu tư sản của Nam Cao luôn ý thức về bổn phận gia đình như: Thử, San (*Sống mòn*), Hộ (*Đời thừa*), Điền (*Trăng sáng*),... Những con người cá nhân ấy luôn băn khoăn trước lựa chọn “cá nhân” hay “bổn phận”. Tiêu biểu phải kể tới là những con người cá nhân trong *Sống mòn* với bổn phận cháu, con, chồng, cha, anh trong gia đình thôn quê – gia đình gia trưởng, bổn phận, trách nhiệm đè nặng lên vai người con trai, đặc biệt là con cả. Họ luôn ghi nhớ các bổn phận “to tát” của mình, và vì bổn phận, họ tiết chế mọi ham muốn cá nhân, sẵn sàng nhịn ăn nhịn tiêu để người thân bớt khổ (Thử, San trong *Sống mòn*, Hải trong *Quên điều độ*), sẵn sàng từ bỏ ước mơ hồng mầu sinh lo cho gia đình (Hộ trong *Đời thừa*, Thử trong *Sống mòn*, Điền trong *Trăng sáng*).

Mọi vui buồn của cá nhân đều liên hệ mật thiết với các thành viên trong gia đình, khi nghĩ quanh mình, cuộc sống của những người thân trong gia đình đang bị ghi lấy bởi sự nghèo đói: “lại còn bà Thử”, “lại còn mẹ y”, lại còn cha y”, “lại còn các em y” [6]. Không ở đâu và không khi nào những con người ấy quên đi ý thức bổn phận gia đình. Hộ (*Đời thừa*), một nhà văn “say mê lí tưởng”, có “hoài bão lớn”, coi “nghệ thuật là tất cả, ngoài nghệ thuật không còn gì đáng quan tâm nữa” đã hi sinh lí tưởng nghệ thuật để lo lắng làm thế nào có thể làm tròn bổn phận của người đàn ông trong gia đình, thế nên “hắn chỉ còn nghĩ đến gia đình, chỉ cốt làm sao nuôi được gia đình”. Không còn là một cá nhân tự do, trong mối quan hệ với gia đình, Hộ mang trên vai vô vàn bổn phận: “Những bận rộn tẹp nhẹp, vô nghĩa lý, nhưng không thể không nghĩ tới, ngón một phần lớn thì giờ của hắn. Hắn phải cho in nhiều cuốn văn viết vội vàng” [6].

Nỗi lo cơm áo trở thành chủ đề trở đi trở lại trong các sáng tác của Nam Cao và làm nên gánh nặng bổn phận đè nặng lên đôi vai và trái tim họ một mối đến rã rời, cùng kiệt đến nỗi đã phải thốt lên đau đớn: “Com! Áo! Sự an toàn! Tương lai của mình! Tương lai của các con! Sống! Sống!... Tất cả sự quan hệ là ở đó. Phải làm thế nào cho được sống, được ngược mắt lên, được thở hít tự do, cùng với tất cả mọi người. Cuộc sống đè nặng trên ngực người ta quá” [6]. Bổn phận gia đình có nguy cơ “xiềng xích”, “cầm tù” họ trong nỗi lo bổn phận, biến họ trở thành những con người tầm thường, ích kỉ như Hộ (*Đời thừa*), vợ ông giáo (*Lão Hạc*), Thử, San, Đích (*Sống mòn*). Thế giới tư tưởng của người trí thức tiểu tư sản vô cùng phức tạp với những đối cực, những mâu thuẫn, những giằng co và tranh biện. Mỗi con người cá nhân trong thế giới nghệ thuật Nam Cao luôn có ý thức về một vùng trời tự do, một cuộc sống không

bị trói buộc bởi bốn phận gia đình để thỏa sức sáng tạo, thỏa sức cống hiến, và được làm những gì mình muốn. Thử (*Sống mòn*), trong những cùng cực của gánh nặng cơm áo với trách nhiệm đối với gia đình đã từng có ý muốn rũ bỏ bốn phận, “sống tự do một mình”. Người giáo khổ trường tư ấy bị những nỗi lo tằn mẩn làm cho “sống dò dẫm, tối tăm, nhút nhát suốt đời chỉ những sợ cùng lo” [6]. Nỗi lo dồn đẩy họ khao khát được lẩn trốn, khước từ bốn phận “Giá chúng mình chưa có vợ con gì cả!” [6]. Hay như Hộ (*Đời thừa*) tưởng đã vì vợ con mà quên đi văn chương chân chính cũng lại có những khoảnh khắc ý thức gia đình không kiểm soát và đè nén nỗi khát vọng sáng tạo tự do, ý thức được sống cho chính mình, cho đam mê văn chương và Hộ quên đi ý định sẽ mua cái gì đó về cho mẹ con Từ, Hộ đã say và oán trách mẹ con Từ đã làm Hộ khổ. Gánh nặng mà mẹ con Từ đè xuống đời Hộ là gì nếu như không phải là bốn phận. Nếu Hộ từng có ý nghĩ sống tàn nhẫn, sống cho riêng mình thì đó mới chỉ là những ý nghĩ thoáng qua, sự thực thì Hộ cũng như hầu hết các nhân vật trí thức tiểu tư sản của Nam Cao không người nào có đủ tàn nhẫn chà đạp lên lí tưởng tình thương và bốn phận gia đình, không đủ tàn nhẫn để “giẫm lên vai kẻ khác” mà tiến về phía trước. Chối bỏ bốn phận gia đình mới chỉ xuất hiện ở dạng thức là những ý nghĩ, những cuộc thử nghiệm tư tưởng để nhân vật tự phân tích, tự mổ xẻ, đó là cuộc đấu tranh của hai con người trong một con người. Tuy nhiên, ý nghĩ muốn rũ bỏ bốn phận để sống cuộc sống đời tự do, không ràng buộc, sống không vì ai ngay lập tức bị dập đi khi mới nhen lên bởi ý thức bốn phận gia đình thường trực và mạnh mẽ cắt lờ như sợi dây níu kéo nhân vật với xã hội trên lần ranh giá trị người. Những con người cá nhân luôn đặt vấn: “Tại sao y lại muốn sung sướng một mình trong khi cả nhà còn đói khổ?” [6]. Điền, Thử, Hộ có những phút bốc đồng, thờ ơ, tàn nhẫn trước nỗi khổ của gia đình với ý nghĩ bỏ đi một nơi thật xa hay sẽ bỏ mặc vợ con, gia đình đói khổ nheo nhóc để theo giấc mộng văn chương... nhưng họ vẫn chưa trượt hoàn toàn sang bờ giá trị nào cả. Hộ không thể sống ác, không thể sống tàn nhẫn “để sống cho mạnh mẽ”, họ thà chấp nhận làm kẻ “nhu nhược, hèn nhát, tầm thường” còn hơn phải chà đạp lên lẽ sống tình thương. Hộ không đủ mạnh mẽ để sống hoàn toàn cho nghệ thuật, Hộ chưa thành nhà văn nổi danh viết được tác phẩm để đời nhưng Hộ “vẫn còn được là người”. Ở *Đời thừa*, những ý nghĩ về bà, vợ, mẹ, các em luôn ám ảnh tâm trí Thử và kéo Thử quay trở lại trước mỗi ý muốn rũ bỏ tất cả, “chúng trở về để ngăn cản y hay là nghiền nát y”. Bốn phận của một người cha đã làm mềm lòng, mềm những ý nghĩ tưởng dứt khoát của Thử về một ước muốn được ra đi “sống tự do một mình”, “chẳng bận tâm gì đến gia đình nữa”.

3. Kết luận

Như vậy, bốn phận gia đình trong mối quan hệ với con người cá nhân ở sáng tác của Nam Cao trở thành vấn đề độc đáo, được xem xét và thể hiện dưới nhiều góc độ và quan điểm đã làm nên tính đa chiều trong quan niệm nghệ thuật về con người của nhà văn, con người như là tổng hòa tất cả các mối quan hệ xã hội, một thực thể phức tạp: có nhân vật hi sinh đời sống cá nhân cho bốn phận gia đình; có nhân vật day dứt, dằn vặt, khổ đau khi không thể làm tròn bốn phận; lại có nhân vật luôn ở trong trạng thái đấu tranh lựa chọn giữa bốn phận gia đình hay cuộc sống chỉ cho mình. Tuy nhiên, điểm chung của mọi thái độ ứng xử với bốn phận gia đình của các nhân vật trong sáng tác

Nam Cao đều đẩy họ vào bi kịch. Cuộc sống, dưới con mắt Nam Cao, như một dòng sông cuộn chảy, nơi đó con người cá nhân – các nhân vật của ông vẫn đang vật lộn với cuộc sống dữ dội, khắc nghiệt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Văn Thị Phương Trang, 2014. “*Hình tượng con người bản năng trong văn xuôi Việt Nam hiện đại*”. Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Khoa học Huế, Tập 1, Số 2, tr.76.
- [2] Thành Đức Bảo Thắng, 2017. “*Sự tương đồng trong quan niệm nghệ thuật về con người giữa khuynh hướng văn xuôi lãng mạn và văn xuôi hiện thực 1930 – 1945*”, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học toàn quốc “*Nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn trong bối cảnh đổi mới và hội nhập*”. Nxb Khoa học Xã hội, tr. 256 – 263.
- [3] Trần Đăng Suyền, 1998. “*Nam Cao – Nhà văn hiện thực xuất sắc, nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn*”. Tạp chí Văn học, số 6.
- [4] Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam, 1995. *Từ điển Bách khoa Việt Nam* – tập 1. Trung tâm Biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam, tr. 138.
- [5] A.R. Lacey, 1996. *A Dictionary of Philosophy*, third edition. Routledge, tr. 157-241.
- [6] Nam Cao, 2013. *Tuyển tập Nam Cao*. Nxb Văn học, tr. 126 – 740.
- [7] Trần Đăng Suyền, Lê Quang Hưng (đồng chủ biên), 2017. *Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945*. Nxb Đại học Sư phạm, tr. 508.

ABSTRACT

“Individuals and their duties” in Nam Cao’s writings before the Revolution in 1945

Nguyen Thi Khanh Ly

Department of Political Schools,

Ho Chi Minh National Academy of Politics

“Individuals and their duties” is one of the most remarkable themes in Nam Cao’s writing career in particular, and in Vietnamese modern literature in general. Individuals as human beings are depicted in a wide range of aspects. However, within the scope of this research, we focus on perceiving individuals’ spiritual tragedies in Nam Cao’s writings before the Revolution in 1945 as individual enlightened consciousness in terms of an individual’s consciousness and sense of duty towards his origin.

Keywords: Nam Cao, individual person, duty.